

Số: **3552** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **25** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly y tế của huyện Cẩm Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Cẩm Mỹ tại Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 629/TTr-LĐTBXH ngày 23 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly y tế của huyện Cẩm Mỹ cho 172 người với số tiền là 161.520.000 đồng và hỗ trợ cho 08 trẻ em với số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là: 169.520.000 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho người cách ly y tế (F1) được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Cẩm Mỹ chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI THỰC HIỆN CÁCH LY Y TẾ (F1)
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠI CÁC CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ CỦA HUYỆN CẨM MỸ

(Đính kèm theo Quyết định số **3552** QĐ-UBND ngày **25** tháng **9** năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
1	Sàn Và Chăn	1988		Cẩm Mỹ	16/6/2021	07/7/2021	22	1.760.000	-	
2	Phạm Thảo Nhi		2000	Cẩm Mỹ	16/6/2021	05/7/2021	20	1.600.000	-	
3	Hoàng Khánh Linh		1998	Cẩm Mỹ	16/6/2021	05/7/2021	20	1.600.000	-	
4	Đặng Văn Viên	1967		Cẩm Mỹ	20/6/2021	06/7/2021	21	1.680.000	-	
5	Vũ Đình Thảo Linh		2002	Cẩm Mỹ	24/06/2021	12/7/2021	19	1.520.000	-	
6	Nguyễn Xuân Lộc	1990		Cẩm Mỹ	24/6/2021	12/7/2021	19	1.520.000	-	
7	Nguyễn Văn Chi	1960		Biên Hòa	25/6/2021	07/7/2021	13	1.040.000	-	
8	Phạm Văn Thảo	1974		Biên Hòa	25/6/2021	07/7/2021	13	1.040.000	-	
9	Nguyễn Thị Thoa		1968	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
10	Đỗ Thị Bé		1965	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
11	Phạm Thị Máy		1972	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
12	Thạch Thị Đẹp		1974	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
13	Đồng Quốc Cường	1992		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
14	Trương Kỳ Nhật	1983		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
15	Trần Lý Thanh Phong	1976		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
16	Nguyễn Văn Sáng	1989		Biên Hòa	25/6/2021	07/7/2021	13	1.040.000	-	
17	Phạm Nam Tuyền	1987		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
18	Biện Công Lợi	1984		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
19	Trần Trọng Loan	1964		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
20	Huỳnh Tấn Lành	1973		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
21	Lò Quang Huy	1998		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
22	Đỗ Thành Phúc	1990		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
23	Hồ Cao Chính	1972		Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
24	Trần Thị Phương Uyên		1975	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	



STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
25	Trương Thị Thủy Hằng		1987	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
26	Nguyễn Thị Thanh Sang		1992	Biên Hòa	25/6/2021	08/7/2021	14	1.120.000	-	
27	Vũ Thị Linh		1984	Biên Hòa	25/6/2021	13/7/2021	19	1.520.000	-	
28	Phan Thị Đức		1955	Cầm Mỹ	26/6/2021	14/7/2021	19	1.520.000	-	
29	Lai Đức Thảo	1973		Cầm Mỹ	26/6/2021	14/7/2021	19	1.520.000	-	
30	Mai Quốc Cường	1987		Cầm Mỹ	27/6/2021	16/7/2021	20	1.600.000	-	
31	Bùi Đình Đức Hợp	1998		Cầm Mỹ	27/6/2021	16/7/2021	20	1.600.000	-	
32	Thái Văn Tiến	1970		Cầm Mỹ	30/6/2021	13/7/2021	14	1.120.000	-	
33	Nguyễn Thị Diễm Thúy	1981		Cầm Mỹ	02/7/2021	18/7/2021	17	1.360.000	-	
34	Vũ Công Toàn	1983		Cầm Mỹ	03/7/2021	17/7/2021	15	1.200.000	-	
35	Trần Thị Mến		1991	Cầm Mỹ	03/7/2021	18/7/2021	16	1.280.000	-	
36	Nguyễn Quốc Phong	1987		Long Thành	06/7/2021	10/7/2021	5	400.000	-	Dương tính
37	Nguyễn Thị Liên		1971	Cầm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
38	Lê Ích Tuấn	1970		Cầm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
39	Lê Ích Hiếu	1998		Cẩm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
40	Lê Ích Đáp	1938		Cẩm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
41	Nguyễn Thị Thu		1955	Cẩm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
42	Mai Văn Ruộng	1973		Cẩm Mỹ	08/7/2021	10/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
43	Nguyễn Thị Tâm Như		2005	Cẩm Mỹ	08/7/2021	21/7/2021	14	1.120.000	-	
44	Nguyễn Thị Liên		1969	Cẩm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
45	Lê Thị Thu Trang		1995	Cẩm Mỹ	08/7/2021	10/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
46	Nguyễn Hồng Sơn	1992		Cẩm Mỹ	08/7/2021	15/7/2021	8	640.000	-	Dương tính
47	Mai Xuân Sang	1996		Cẩm Mỹ	08/7/2021	10/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
48	Võ Thị Kim Oanh		1985	Cẩm Mỹ	09/7/2021	17/07/2021	9	720.000	-	
49	Hồ Chí Công	1987		Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
50	Nguyễn Thị Mót		1974	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
51	Lê Ích Vân		1999	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
52	Nguyễn Thị Lê		1968	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	



STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
53	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên		1994	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
54	Lê Thị Hát		1969	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
55	Trần Xuân Trường	1996		Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
56	Lê Thị Khanh Hiền		1978	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
57	Nguyễn Thị Lan		1983	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
58	Trần Thị Thu Trang		1970	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
59	Phạm Thị Phương Thảo		1986	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
60	Nguyễn Công Thành	1955		Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
61	Lê Thị Thúy Nhung		1990	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
62	Nguyễn Quốc Phú	2001		Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
63	Lâm Thị Thùy Lan		1984	Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
64	Phạm Thị Ngọc Anh		1993	Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
65	Trần Thị Cẩm Tú		1990	Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
66	Đỗ Thị Lệ Hằng		1986	Cẩm Mỹ	09/7/2021	17/7/2021	9	720.000	-	

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
67	Hoàng Thị Ngọc Anh		1974	Cẩm Mỹ	09/7/2021	22/7/2021	14	1.120.000	-	
68	Vũ Thảo Huệ		1979	Cẩm Mỹ	09/7/2021	19/7/2021	11	880.000	-	
69	Trần Thị Phương		1961	Cẩm Mỹ	09/7/2021	17/7/2021	9	720.000	-	
70	Lê Văn Sang	1989		Cẩm Mỹ	09/7/2021	16/7/2021	8	640.000	-	
71	Trần Thị Cẩm Vy		1984	Cẩm Mỹ	09/7/2021	17/7/2021	9	720.000	-	
72	Trần Thị Bốn		1962	Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
73	Nguyễn Văn Thành	1955		Cẩm Mỹ	09/7/2021	26/7/2021	18	1.440.000	-	
74	Đỗ Thành Chí	1957		Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/7/2021	13	1.040.000	-	Dương tính
75	Trần Văn Cường	1975		Cẩm Mỹ	09/7/2021	26/7/2021	18	1.440.000	-	
76	Chung Văn Tiến	1960		Cẩm Mỹ	09/7/2021	26/7/2021	18	1.440.000	-	
77	Lê Thanh Triệu		1984	Cẩm Mỹ	09/7/2021	25/7/2021	17	1.360.000	-	
78	Vũ Thị Ánh Duyên		1988	Cẩm Mỹ	09/7/2021	17/7/2021	9	720.000	-	
79	Nguyễn Thị Ngọc Linh		1996	Cẩm Mỹ	09/7/2021	21/07/2021	13	1.040.000	-	
80	Ân Thị Diệp		1982	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	



STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
81	Lê Thị Thanh Nguyệt		1993	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
82	Đào Thị Sương		1974	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
83	Đào Thị Hằng		1978	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
84	Trần Thị Thạo		1959	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
85	Phan Thị Hương		1959	Cẩm Mỹ	10/07/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
86	Nguyễn Thị Thu Sương		1947	Cẩm Mỹ	10/7/2021	19/7/2021	10	800.000	-	
87	Châu Thanh Lê		1969	Cẩm Mỹ	10/7/2021	19/7/2021	10	800.000	-	
88	Nguyễn Thị Lý		1954	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
89	Trần Thị Bê		1958	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
90	Võ Thị Phương		1950	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
91	Thân Thị Thịnh		1956	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
92	Nguyễn Thị Mai		1968	Cẩm Mỹ	10/7/2021	17/7/2021	8	640.000	-	
93	Đinh Thị Lâm		1961	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
94	Trần Thị Hoa		1955	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
95	Võ Thị Minh Châu		1990	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
96	Lê Thị Lan		1959	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
97	Lý Thị Thương		1958	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
98	Trần Thị Hà		1947	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
99	Đoàn Thị Bé		1975	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
100	Hồ Thị Kim Yến		1971	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
101	Nguyễn Thị Hời		1947	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
102	Nguyễn Thị Hồng		1990	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
103	Vương Thị Lan		1962	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
104	Nguyễn Thị Hời		1973	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
105	Lê Thị Thanh		1971	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
106	Vân Thị Ngọc Sương		1980	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
107	Diệp Thị Phương Dung		1980	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
108	Cao Thị Thúy		1984	Cẩm Mỹ	10/7/2021	22/7/2021	13	1.040.000	-	

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
109	Lê Thị Thu Hương		2000	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
110	Hồ Thị Kim Loan		1969	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
111	Ngô Thị Mỹ Hào		1979	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
112	Lê Thị An Tâm		1980	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
113	Đặng Thị Lệ Thủy		1974	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	
114	Đỗ Thành Hương	1991		Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
115	Hoàng Thị Mỹ Vân		1977	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/07/2021	11	880.000	-	
116	Võ Ngọc Cầu	1978		Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
117	Vương Thị Hoàng Tuyết	1982	1982	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	Dương tính
118	Trần Thị Loan	1978	1978	Cẩm Mỹ	10/7/2021	20/7/2021	11	880.000	-	Dương tính
119	Vô Thị Thanh Thanh	1981	1981	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
120	Trương Thị Nghi	1956	1956	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/07/2021	17	1.360.000	-	
121	Nguyễn Thị Màu	1959	1959	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
122	Huỳnh Thị Giải	1985	1985	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
123	Dương Thị Thùy	1959	1959	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
124	Trần Văn Sáng	1968		Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
125	Trần Thị Mỹ Liên		1970	Cẩm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	-	
126	Nguyễn Nguyên Vũ	1980		Cẩm Mỹ	10/7/2021	22/7/2021	13	1.040.000	-	
127	Trần Đình Thuận	1989		Cẩm Mỹ	10/7/2021	22/7/2021	13	1.040.000	-	
128	Trần Mạnh Hùng	1973		Cẩm Mỹ	10/7/2021	22/7/2021	13	1.040.000	-	
129	Phạm Thị Thu Thảo		1998	Cẩm Mỹ	11/7/2021	15/7/2021	5	400.000	-	Dương tính
130	Phan Thanh Tú	1992		Cẩm Mỹ	11/7/2021	13/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
131	Nguyễn Thị Tỷ		1967	Cẩm Mỹ	11/7/2021	13/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
132	Nguyễn Thị Như Ý		1995	Cẩm Mỹ	13/7/2021	28/07/2021	16	1.280.000	-	
133	Đỗ Đình Ủy	1960		Cẩm Mỹ	13/7/2021	23/07/2021	11	880.000	-	
134	Lê Phi Trường	1996		Cẩm Mỹ	13/07/2021	17/07/2021	14	1.120.000	-	
135	Lưu Trần Thanh Thùy		1982	Cẩm Mỹ	13/7/2021	20/7/2021	8	640.000	-	
136	Phan Thị Minh Tâm		1989	Cẩm Mỹ	13/7/2021	23/7/2021	11	880.000	-	



STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
137	Ngô Hà Thanh Xuân		1979	Cầm Mỹ	13/7/2021	22/07/2021	10	800.000	-	Dương tính
138	Hoàng Thị Kim Oanh		1969	Long Khánh	13/7/2021	25/7/2021	13	1.040.000	-	
139	Trần Văn Kế	1986		Cầm Mỹ	13/7/2021	26/7/2021	14	1.120.000	-	
140	Nguyễn Thị Hoa		1975	Cầm Mỹ	13/7/2021	22/07/2021	10	800.000	-	Dương tính
141	Hoàng Thị Thanh Phương		1983	Cầm Mỹ	13/7/2021	21/7/2021	9	720.000	-	
142	Trần Văn Lâm	1981		Cầm Mỹ	14/7/2021	15/7/2021	2	160.000	-	Dương tính
143	Nguyễn Thị Loan		1975	Cầm Mỹ	15/7/2021	21/7/2021	7	560.000	-	Dương tính
144	Lê Viết Vĩ	1996		Cầm Mỹ	15/7/2021	26/07/2021	12	960.000	-	
145	Phạm Anh Hoàng	1997		Cầm Mỹ	15/7/2021	26/07/2021	12	960.000	-	
146	Nguyễn Thị Thơm		1984	Cầm Mỹ	15/7/2021	26/07/2021	12	960.000	-	
147	Phạm Thị Huyền Diệu		2004	Cầm Mỹ	15/7/2021	28/07/2021	14	1.120.000	-	
148	Nguyễn Thị Cơ		1951	Cầm Mỹ	16/7/2021	18/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
149	Nguyễn Thị Lê Thu		1974	Cầm Mỹ	17/7/2021	20/7/2021	4	320.000	-	Dương tính
150	Nguyễn Văn Khánh	1950		Cầm Mỹ	18/7/2021	25/07/2021	8	640.000	-	Dương tính

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	Ghi chú
		Nam	Nữ							
151	Trần Văn Quang	1973		Cẩm Mỹ	19/7/2021	23/7/2021	5	400.000	-	Dương tính
152	Đỗ Thanh Tùng	1997		Cẩm Mỹ	19/7/2021	21/7/2021	3	240.000	-	Dương tính
153	Nguyễn Thị Hồng		1983	Cẩm Mỹ	19/7/2021	22/07/2021	4	320.000	-	Dương tính
154	Trần Thị Hồng Nha		1998	Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
155	Đỗ Hương	1976		Cẩm Mỹ	20/7/2021	22/07/2021	3	240.000	-	Dương tính
156	Nguyễn Thị Kim Hồng		1985	Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
157	Vàng Thị Lầu		2000	Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
158	Ly Thị Chá		1982	Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
159	Chánh Mí Pó	1993		Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
160	Vàng Thị Mỹ		1995	Cẩm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	-	Dương tính
161	Sùng Thị Sáu		2000	Cẩm Mỹ	22/07/2021	23/7/2021	2	160.000	-	Dương tính
162	Hạng Seo Giảng	1997		Cẩm Mỹ	22/07/2021	23/7/2021	2	160.000	-	Dương tính
163	Sùng Thị Giông		2001	Cẩm Mỹ	22/07/2021	23/7/2021	2	160.000	-	Dương tính
164	Nguyễn Thành Tín	1984		Cẩm Mỹ	22/7/2021	25/7/2021	2	160.000	-	Dương tính



165	Võ Nhật Hào	2011		Cắm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	1.000.000	
166	Võ Thanh An	2006		Cắm Mỹ	10/7/2021	26/7/2021	17	1.360.000	1.000.000	
167	Nguyễn Hữu Phước	2013		Cắm Mỹ	15/7/2021	26/07/2021	12	960.000	1.000.000	
168	Châu Hoàng Gia	2014		Cắm Mỹ	17/7/2021	20/7/2021	4	320.000	1.000.000	
169	Nguyễn Thị Ngọc Minh		2011	Cắm Mỹ	19/7/2021	25/7/2021	7	560.000	1.000.000	Dương tính
170	Đỗ Thị Hồng Anh		2008	Cắm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	1.000.000	Dương tính
171	Đỗ Nhật Huy	2010		Cắm Mỹ	21/7/2021	22/07/2021	2	160.000	1.000.000	Dương tính
172	Nguyễn Thanh Khôi	2006		Cắm Mỹ	22/7/2021	25/7/2021	2	160.000	1.000.000	Dương tính
Cộng: 172 người							1.956	161.520.000	8.000.000	
Tổng số tiền:								169.520.000		

Tổng số tiền: 169.520.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm hai mươi
ngàn đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng